TỔNG CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM CỤC CẢNH SÁT MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 01/QCPH-TCBHĐVN-CSMT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2019*

QUY CHẾ PHỐI HỢP
Trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường biển, hải đảo giữa Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục Cảnh sát môi trường

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Cảnh sát môi trường số 10/2014/UBTVQH13 năm 2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Quyết định số 06/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3995/QĐ-BCA ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BCA-BTNMT ngày 06 tháng 02 năm 2009 của Bộ Công an và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quan hệ phối hợp trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quy chế phối hợp số 1199/QCPH-TCBHĐVN-CSMT ngày 17 tháng 8 năm 2011 về phối hợp trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường giữa Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường biển, hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục Cảnh sát môi trường thống nhất ban hành Quy chế phối hợp hoạt động như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định sự phối hợp trong công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật (VPPL) khác về môi trường biển, hải đảo giữa Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục Cảnh sát môi trường nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp về tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa, đấu tranh xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (BVMT) biển, hải đảo.

2. Các đơn vị thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục Cảnh sát môi trường có trách nhiệm thực hiện Quy chế phối hợp này.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Chương IX của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BCA-BTNMT ngày 06 tháng 02 năm 2009 của Bộ Công an và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quan hệ phối hợp công tác phòng, chống tội phạm về bảo vệ môi trường.

2. Bảo đảm sự thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng không làm ảnh hưởng đến hoạt động, kế hoạch công tác, công việc nội bộ của các bên.

Chương II
NỘI DUNG, HÌNH THỨC PHỐI HỢP

Điều 3. Phối hợp tham mưu xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT biển, hải đảo

1. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục Cảnh sát môi trường chủ động nghiên cứu, rà soát các văn bản, quy định của pháp luật có liên quan đã ban hành nhưng qua thực tiễn công tác quản lý nhà nước và phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường biển, hải đảo thấy không còn phù hợp hoặc còn thiếu để tham mưu cho các cơ quan có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

2. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục Cảnh sát môi trường khi tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về BVMT có liên quan đến biển, hải đảo sẽ mời đại diện của mỗi cơ quan tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên

tập hoặc có ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khi mỗi Bên gửi xin ý kiến. Cán bộ được cử tham gia phải tham dự đầy đủ các cuộc họp và hoàn thành các nhiệm vụ được phân công.

Điều 4. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT biển, hải đảo và công khai thông tin

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, hai cơ quan phối hợp nội dung tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường biển, hải đảo nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân viên của mỗi cơ quan và cộng đồng xã hội.

2. Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng công khai thông tin vi phạm pháp luật về BVMT biển, hải đảo: Trước khi công bố các số liệu có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về môi trường biển, hải đảo, hai cơ quan cùng trao đổi, thống nhất quan điểm trên cơ sở rà soát, đánh giá độ tin cậy của số liệu, bảo đảm thông tin được công bố phải chính xác, trung thực, phản ánh đúng tình hình và có tác dụng định hướng dư luận. Việc công khai thông tin được tiến hành kịp thời, thận trọng, theo đúng quy định của pháp luật về BVMT, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan.

Điều 5. Tiếp nhận, xử lý thông tin tố giác tội phạm và vi phạm pháp luật về BVMT biển, hải đảo

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng cơ quan, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục Cảnh sát môi trường tăng cường mở rộng các kênh thông tin để tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình tội phạm và VPPL khác về môi trường biển và hải đảo.

2. Việc tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình tội phạm và VPPL khác về môi trường biển, hải đảo được thực hiện như sau:

a) Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cả hai cơ quan thì cơ quan tiếp nhận thông tin trước có trách nhiệm thụ lý hồ sơ và xử lý vụ việc theo thẩm quyền, cơ quan còn lại phối hợp khi có yêu cầu. Kết quả xử lý được thông báo lại cho cơ quan phối hợp biết.

b) Vụ việc không thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan tiếp nhận thông tin thì cơ quan tiếp nhận thông tin có trách nhiệm bàn giao hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để thụ lý hồ sơ xử lý theo thẩm quyền. Kết quả xử lý đề nghị được thông báo lại cho cơ quan tiếp nhận thông tin để biết.

c) Trường hợp cần thiết, Thủ trưởng hai cơ quan trao đổi thống nhất quan điểm giải quyết vụ việc hoặc thành lập Tổ công tác liên ngành để phối hợp giải quyết.

Điều 6. Phối hợp kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT biển, hải đảo

1. Hàng năm, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục Cảnh sát môi trường tổ chức họp bàn phối hợp xây dựng kế hoạch (hoặc lồng ghép hoạt động phối hợp vào kế hoạch năm của mỗi bên) kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường biển, hải đảo tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng cơ quan.

2. Trường hợp cần thiết, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục Cảnh sát môi trường chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành tham gia các đoàn kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo do ngành tổ chức. Cơ quan được mời phải cử cán bộ có đủ điều kiện về chuyên môn nghiệp vụ và pháp luật để tham gia phối hợp. Khi có ý kiến khác nhau về kết quả và quan điểm không thống nhất thì trưởng đoàn thanh kiểm tra đó phải tập hợp báo cáo thủ trưởng hai cơ quan để thống nhất trước khi ban hành kết luận.

3. Kinh phí cho việc tổ chức các đoàn kiểm tra sẽ do bên chủ trì chịu trách nhiệm, bao gồm cả phần chi phí đi lại, ăn, ở và các chi phí khác cho khách mời.

Điều 7. Phối hợp trong điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Trong quá trình kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo, nếu phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu của tội phạm môi trường, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam chuyển hồ sơ cho Cục Cảnh sát môi trường để điều tra, xử lý theo thẩm quyền, đồng thời cử cán bộ có đủ điều kiện về chuyên môn để tham gia khi có yêu cầu. Kết thúc quá trình điều tra, xử lý vụ việc vi phạm, Cục Cảnh sát môi trường có trách nhiệm thông báo kết quả cho Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam biết bằng văn bản.

2. Trong quá trình điều tra xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường biển và hải đảo, lực lượng Cảnh sát môi trường các cấp khi phát hiện ra những thông tin về sơ hở thiếu sót trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường biển và hải đảo thì Cục Cảnh sát môi trường có trách nhiệm tập hợp và thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam biết để tham mưu đề xuất hoặc điều chỉnh kịp thời, hiệu quả.

3. Hai cơ quan cùng tạo điều kiện cho các đơn vị trực thuộc tiếp cận với các tài liệu, phương tiện có liên quan để phục vụ hoạt động phòng ngừa, điều tra, xử lý vi phạm khi có yêu cầu trong phạm vi cho phép. Cơ quan được tiếp cận với những nội dung trên phải có trách nhiệm bảo mật thông tin theo đúng quy định và chỉ được công bố khi có sự đồng ý của cơ quan cung cấp.

Điều 8. Phối hợp trao đổi tình hình, thông tin về VPPL

1. Số điện thoại nóng của hai lực lượng.

2. Trao đổi thông tin về tình hình phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và VPPL về môi trường.

3. Trao đổi thông tin về các hành vi vi phạm phổ biến.

4. Thông tin về các văn bản, chỉ đạo về phòng chống tội phạm và VPPL về môi trường biển và hải đảo.

Điều 9. Tổ chức tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Hai cơ quan tăng cường phối hợp tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ thuộc ngành về công tác bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phối hợp tổ chức các đoàn công tác để khảo sát, học tập kinh nghiệm các nước về quản lý nhà nước và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường biển, hải đảo. Cử cán bộ tham dự hội nghị tập huấn, cử báo cáo viên pháp luật, cấp phát tài liệu tuyên truyền có liên quan đến nghiệp vụ của hai bên khi có yêu cầu.

2. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam chỉ đạo các đơn vị trực thuộc mời đại diện lực lượng Cảnh sát môi trường các cấp có liên quan tham gia các chương trình hội thảo, các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làm công tác chuyên môn về bảo vệ môi trường biển, hải đảo khi tổ chức.

Chương III
TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 10. Trách nhiệm của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

Trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường biển và hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam trực tiếp hoặc tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc thông tin cho Cục Cảnh sát môi trường khi có yêu cầu những nội dung liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về môi trường trong các hoạt động sau:

1. Các báo cáo hiện trạng, báo cáo chuyên đề về môi trường các vùng biển Việt Nam; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đảo; chương trình, kế hoạch khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đảo của các tỉnh, thành phố ven biển.

2. Trong quá trình phối hợp xử lý tội phạm và các hành vi VPPL về môi trường nếu phát hiện cán bộ chiến sỹ thuộc lực lượng Cảnh sát môi trường có dấu hiệu tiêu cực, vi phạm pháp luật thì kịp thời thông báo cho Cục Cảnh sát môi trường biết để chấn chỉnh, xử lý theo quy định của ngành Công an và của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của Cục Cảnh sát môi trường

1. Chủ động đề xuất và xây dựng các kế hoạch phối hợp với Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam trong việc kiểm tra công tác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường biển, hải đảo hàng năm hoặc định kỳ.

2. Thông tin về các hoạt động phòng ngừa, đấu tranh chống vi phạm pháp luật và tội phạm về môi trường biển và hải đảo của lực lượng Cảnh sát môi trường và kết quả xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường biển và hải đảo của tổ chức, cá nhân đã bị điều tra, xử lý.

3. Trong quá trình phối hợp xử lý tội phạm và các hành vi VPPL về môi trường nếu phát hiện cán bộ, công chức, viên chức thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam có dấu hiệu vi phạm pháp luật cần thông báo ngay cho Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam biết để kịp thời chấn chỉnh, xử lý theo quy định.

Điều 12. Kinh phí hoạt động

Kinh phí chi cho hoạt động phối hợp của mỗi bên được trích từ kinh phí hoạt động thường xuyên trong kế hoạch ngân sách hàng năm theo quy định.

CHƯƠNG IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Đơn vị đầu mối

1. Đơn vị đầu mối của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam là Cục Kiểm soát tài nguyên và Bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Đơn vị đầu mối của Cục Cảnh sát môi trường là Phòng phòng, chống tội phạm môi trường trong lĩnh vực y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm, du lịch, dịch vụ (Phòng 7).

3. Hai đơn vị đầu mối có trách nhiệm thường trực, tham mưu giúp Lãnh đạo hai cơ quan phổ biến quán triệt, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp này.

Điều 14. Tổ chức sơ kết, tổng kết

1. Sáu tháng một lần, hai bên tổ chức giao ban tình hình công tác phối hợp; tháng 12 hàng năm thủ trưởng hai đơn vị đầu mối chủ trì sơ kết, đánh giá kết quả hoạt động phối hợp giữa hai bên và tham mưu đề xuất phương hướng, nhiệm vụ phối hợp cụ thể tiếp theo. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả hoạt động phối hợp lần thứ nhất, sau đó hai bên luân phiên tổ chức.

2. Ba năm một lần, Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục trưởng Cục Cảnh sát môi trường đồng chủ trì tổng kết công tác chỉ đạo

hoạt động phối hợp giữa hai bên và định hướng công tác chỉ đạo hoạt động phối hợp trong những năm tiếp theo. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam tổ chức tổng kết lần thứ nhất, sau đó hai bên luân phiên tổ chức.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Quy chế này thay thế Quy chế phối hợp số 1199/QCPH-TCBHĐVN-CSMT ngày 17 tháng 8 năm 2011 và có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện quy chế, hai cơ quan và các đơn vị trực thuộc nếu phát hiện có nội dung chưa phù hợp hoặc cần sửa đổi, bổ sung thì kịp thời báo cáo về Lãnh đạo Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục Cảnh sát môi trường để xem xét, quyết định./.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỔNG CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM	BỘ CÔNG AN CỤC CẢNH SÁT MÔI TRƯỜNG
Tổng cục trưởng TẠ ĐÌNH THI	**Thiếu tướng LÊ TẤN TẢO**

Nơi nhận:
- Đ/c Bộ trưởng Bộ TNMT;
- VB9 (để b/c lãnh đạo BCA);
- Các đ/c PTCT TCBHĐVN (để chỉ đạo);
- Các đ/c PCT Cục CSMT(để chỉ đạo);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc TCBHĐ, Cục CSMT (để thực hiện);
- Chi cục biển và hải đảo, Phòng CSMT 28 tỉnh thành phố có biển (để t/h);
- Lưu: TCBHĐVN; Cục CSMT.